

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TUẦN 1

TIẾT 1 & 2 - BÀI 1: LỊCH SỬ LÀ GÌ ?

I. LỊCH SỬ VÀ MÔN LỊCH SỬ

- Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ, bao gồm mọi hoạt động và kinh nghiệm của con người từ khi con người xuất hiện đến nay (lịch sử hiện thực).
- Môn Lịch sử: là một môn khoa học với chức năng phục dựng lại cuộc sống của con người trong quá khứ (lịch sử được con người nhận thức).

II. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?

- Học lịch sử để biết được cội nguồn của tổ tiên, quê hương, đất nước; hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo, đấu tranh như thế nào để có được đất nước ngày nay.
 - Học lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm của quá khứ nhằm phục vụ cho hiện tại và tương lai.
- phải giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp do con người trong quá khứ để lại.

III. KHÁM PHÁ QUÁ KHỨ TỪ CÁC NGUỒN SỬ LIỆU

- Nguồn sử liệu (tư liệu lịch sử) là dấu tích của người xưa ở lại với chúng ta và được lưu giữ dưới nhiều dạng khác nhau.
- Dựa vào 4 nguồn tư liệu để biết và khôi phục lại lịch sử:
 - + **Tư liệu gốc** là tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó → đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất.
 - + **Tư liệu truyền miệng** (gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao...) được truyền qua nhiều đời.
 - + **Tư liệu chữ viết** (bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá,...) ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.
 - + **Tư liệu hiện vật** là những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,... Nó giúp chúng ta phục dựng lịch sử và là cách để kiểm chứng tư liệu chữ viết.

Luyện tập – Vận dụng:

HS trả lời các câu hỏi cuối bài 1 trong SGK

TUẦN 2

TIẾT 3 - BÀI 2: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

I. ÂM LỊCH, DƯƠNG LỊCH

Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở quan sát và tính toán quy luật di chuyển của Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời để tính thời gian và làm ra lịch.

- Có hai cách làm lịch:

+ Âm lịch là cách tính thời gian theo chu kì Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hết một vòng quanh Trái Đất là một tháng.

+ Dương lịch là cách tính thời gian theo chu kì Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời là một năm.

II. CÁCH TÍNH THỜI GIAN

- Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của dương lịch, gọi là Công lịch.

+ Công lịch lấy năm 1 là năm tương truyền Chúa Giê-xu (Jesus, người sáng lập đạo Thiên chúa) ra đời làm năm đầu tiên của Công nguyên. Trước năm đó là trước Công nguyên (TCN)

- Theo Công lịch: 1 năm có 12 tháng hay 365 ngày(năm nhuận thêm 1 ngày)

+ 10 năm là 1 thập kỉ

+ 100 năm là 1 thế kỉ.

+ 1000 năm là 1 thiên niên kỉ.

- Hiện nay, ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong văn bản của nhà nước. Tuy nhiên, âm lịch vẫn được sử dụng rộng rãi trong nhân dân

Luyện tập – Vận dụng

HS trả lời các câu hỏi cuối bài 2 trong SGK

CHƯƠNG 2. THỜI KÌ NGUYÊN THỦY

TIẾT 4 - BÀI 3: NGUỒN GỐC CỦA LOÀI NGƯỜI

I. QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA TỪ Vượn NGƯỜI THÀNH NGƯỜI

- Cách đây khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm, ở chặng đầu của quá trình tiến hoá, có một loài vượn khá giống người đã xuất hiện, được gọi là *Vượn người*

- *Người tối cổ*:

+ Thời gian xuất hiện: khoảng 4 triệu năm trước

+ Đặc điểm: thoát khỏi đời sống leo trèo, có khả năng đi đứng bằng 2 chân, thể tích não lớn hơn ($850 - 1100\text{cm}^3$)

+ Biết ghè đẽo đá làm công cụ lao động

+ Nơi tìm thấy di cốt: Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu...

- *Người tinh khôn*:

+ Thời gian xuất hiện: 150.000 năm trước

+ Đặc điểm: có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, thể tích sọ não lớn (1450cm^3), tư duy phát triển.

+ Nơi tìm thấy di cốt: ở khắp các châu lục.

→ Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đã hoàn thành.

Luyện tập – Vận dụng

Dựa vào tư liệu 3.1, 3.2, 3.3 trong SGK và kết hợp thông tin trong bài học, em hãy hoàn thành bảng dưới đây:

	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
<i>Thời gian xuất hiện</i>			
<i>Địa điểm tìm thấy hóa thạch sớm nhất</i>			
<i>Đặc điểm não</i>			
<i>Đặc điểm vận động</i>			
<i>Công cụ lao động</i>			

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6

TUẦN 1

TIẾT 1: BÀI MỞ ĐẦU - TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ ?

I. SỰ LÍ THÚ CỦA VIỆC HỌC MÔN ĐỊA LÍ

- Trên Trái Đất có những nơi mưa nhiều quanh năm, thảm thực vật xanh tốt, có những nơi khô nóng, vài năm không có mưa, không có loài thực vật nào có thể sinh sống
- Học môn Địa lí sẽ giúp các em sẽ giải thích được những điều lí thú trên.

II. VAI TRÒ CỦA ĐỊA LÍ TRONG CUỘC SỐNG

- Giúp cho học sinh có cơ hội tìm hiểu thêm về thế giới, những thách thức mà thế giới phải đối mặt
- Giúp học sinh tìm hiểu về quá trình thay đổi của các sự vật, hiện tượng địa lí.
- Giải thích được những tác động và sự thay đổi trong mối quan hệ giữa con người và môi trường.
- Kiến thức Địa lí giúp lí giải các hiện tượng trong cuộc sống: hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, mùa, mưa đá, mưa phùn, chênh lệch giờ giữa các nơi, năm nhuận, biến đổi khí hậu,...
- Kiến thức Địa lí hướng dẫn cách giải quyết các vấn đề trong cuộc sống: làm gì khi xảy ra động đất, núi lửa, lũ lụt, biến đổi khí hậu, sóng thần, ô nhiễm môi trường.
- Việc học Địa lí còn giúp học sinh phát triển nhiều kỹ năng như sử dụng bản đồ, xác định phương hướng, phân tích, xử lí thông tin, giải quyết vấn đề...
- Định hướng thái độ, ý thức sống: trách nhiệm với môi trường sống, yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường tự nhiên,...

III. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC NẮM CÁC KHÁI NIỆM VÀ KỸ NĂNG ĐỊA LÍ

- Khái niệm cơ bản của địa lí như Trái Đất, các thành phần tự nhiên của Trái Đất
- Các kĩ năng cơ bản của bộ môn như quan sát lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, bảng số liệu, kỹ năng tự sưu tầm, lưu trữ tư liệu địa lí...
- Kỹ năng đặt câu hỏi và tìm cách giải thích giúp các em có nền tảng kiến thức để vận dụng vào thực tiễn.
- Hiểu và biết vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí vào thực tiễn cuộc sống.

DẶN DÒ

Học sinh tìm hiểu một số câu ca dao tục ngữ nói về thời tiết, khí hậu

.....

TUẦN 2

Tiết 2 - Bài 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ (TIẾT 1)

I. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN

- Quả địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất dưới dạng cầu.
- Kinh tuyến là các đường nối cực Bắc với cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.
- Vĩ tuyến là các vòng tròn bao quanh quả Địa cầu, song song với đường xích đạo.
- Xích đạo hay vĩ tuyến gốc (0^0) chia quả quả Địa Cầu thành hai phần bằng nhau, phần phía Bắc là bán cầu Bắc và phần phía Nam là bán cầu Nam.
- Kinh tuyến gốc được đánh số 0^0
- Kinh tuyến gốc là đường đi qua đài thiên văn Grin – uych (Greewich) ở ngoại ô thủ đô Luân Đôn – Vương quốc Anh (đánh số độ là 0^0)
- + Dựa vào kinh tuyến gốc (kinh tuyến 0^0) và kinh tuyến 180^0 đối diện để nhận biết kinh tuyến đông, kinh tuyến tây.
- Những kinh tuyến nằm ở khu vực phía Tây của kinh tuyến gốc đến kinh tuyến 180^0 là các kinh tuyến Tây.
- Kinh tuyến nằm phía đông của kinh tuyến gốc đến kinh tuyến 180^0 là các kinh tuyến Đông.
- Dựa vào vĩ tuyến gốc (Xích đạo) để biết vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.
- Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Bắc là vĩ tuyến Bắc. Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Nam là vĩ tuyến Nam.
- Vĩ tuyến gốc là đường vĩ tuyến lớn nhất 0^0 (đường Xích Đạo)

DẶN DÒ

Học sinh học thuộc bài 1